**ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1- MÔN ĐỊA LÍ 9**

**NĂM HỌC 2024-2025**

**I. Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Dân tộc Kinh chiếm khoảng bao nhiêu % dân số nước ta:

A. 85% B. 86% C. 87% D. 88%

**Câu 2:** Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở khu vực nào dưới đây?

A. Trung du, đồng bằng. B. Trung du, miền núi. C. Gần cửa sông. D. Duyên hải, đồng bằng.

**Câu 3:** Loại đất nào dưới đây chiếm phần lớn diện tích của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Đất phù sa. B. Đất mùn. C. Đất ba dan. D. Đất feralit.

**Câu 4:** Tam giác tăng trưởng kinh tế cho vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là

A. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương. B. Hà Nội, Bắc Ninh, Vĩnh Yên.

C. Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long. D. Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng.

**Câu 5:** Nguồn lao động vùng Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm nào sau đây?

A. Trình độ lao động ngày càng nâng cao. B. Tỉ lệ lao động ở khu vực dịch vụ giảm.

C. Phân bố lao động đồng đều trong vùng. D. Hầu hết lao động chưa được qua đào tạo.

**Câu 6:** Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

A. cao hơn mức trung bình của cả nước. B. thấp hơn mức trung bình của cả nước.

C. thấp, chưa bằng mức trung bình của cả nước. D. bằng mức trung bình của cả nước.

**Câu 7.** Dựa vào kiến thức đã học, hãy cho biết các dân tộc ít người nào sau đây cư trú chủ yếu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Gia – rai, Ê-đê, Chăm, Ra-glai, Chu-ru. B. Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, Mông.

C. Khơ-me, Chăm, Hoa, Cơ-ho, Rơ-măm. D. Ba-na, Xơ-đăng, Bru-Vân Kiều, Xtiêng.

**Câu 8.** Nhân tố tự nhiên nào sau đây được coi là tư liệu sản xuất chủ yếu của ngành nông nghiệp?

A. Tài nguyên đất. B. Tài nguyên khí hậu. C. Tài nguyên nước. D. Tài nguyên sinh vật.

**Câu 9.** Ngành vận tải đường biển chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu khối lượng luân chuyển hàng hóa ở nước ta, chủ yếu là do

A. vận chuyển trên các tuyến có chiều dài lớn.

B. có các đội tàu vận chuyển hàng trọng tải lớn.

C. chở được những hàng hóa nặng, cồng kềnh.

D. có thời gian vận chuyển hàng hóa kéo dài.

**Câu 10.** Tỉnh thành phố nào sau đây của Đồng bằng sông Hồng có thế mạnh lớn để phát triển du lịch biển đảo?

A.Nam Định. B. Thái Bình. C. Hải Phòng. D.Ninh Bình.

**Câu 11.** Điều kiện nào sau đây là quan trọng nhất để phát triển du lịch biển ở nước

A. Vùng biển rộng giàu tài nguyên. B. Cơ sở hạ tầng kĩ thuật được đầu tư.

C. Nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp. D. Vị trí gần đường hàng hải quốc tế.

**Câu 12.** Kim ngạch nhập khẩu của nước ta tăng lên khá nhanh trong những năm gần đây không phản ánh chủ yếu điều gì sau đây?

A. Chất lượng nguồn lao động cao. B. Sản xuất phục hồi và phát triển.

C. Đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. D. Nhu cầu tiêu đùng ngày càng lớn.

**Câu 13.** Thị trường xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

A. nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào.

B. tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lí.

C. sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.

D. giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia.

**Câu 14:** So với khu vực Tây Bắc, khu vực Đông Bắc có

A. Mùa đông đến sớm và kết thúc muộn hơn

B. Mùa đông đến muộn và kết thúc muộn hơn

C. Mùa đông đến sớm và kết thúc sớm hơn

D. Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn

**Câu 15: Trắc nghiệm đúng sai. Học sinh chọn ý đúng ( Đ) hoặc sai (S) mỗi ý a), b), c), d).**

Cho bảng số liệu sau:

 Khối lượng hàng hoá vận chuyển và luân chuyển bằng đường bộ ở nước ta giai đoạn 2010 – 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Năm** **Tiêu chí** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Khối lượng vận chuyển *(triệu tấn)* | 587,0 | 882,6 | 1 282,1 | 1 303,3 |
| Khối lượng luân chuyển *(tỉ tấn.km)* | 36,2 | 51,5 | 73,5 | 75,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

a) Khối lượng vận chuyển tăng liên tục qua các năm.

b) Khối lượng luân chuyển giảm liên tục qua các năm.

c) Khối lượng luân chuyển luôn lớn hơn khối lượng vận chuyển.

d) Khối lượng vận chuyển luôn lớn hơn khối lượng luân chuyển.

**II. Phần tự luận**

**Câu 1.** Trình bày sự khác biệt về điều kiện tự nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc

**Câu 2.** ***Cho bảng số liệu sau:***

***Giá trị xuất khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2010-2022***

***(đơn vị: triệu đô la Mỹ)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** |
| **Xuất khẩu** | 72236,7 | 162016,7 | 264276,2 | 371715,4 |
| **Nhập khẩu** | 84838,6 | 165775,0 | 253696,5 | 359780,1 |

Hãy tính cán cân xuất nhập khẩu và rút ra nhận xét về tình hình xuất nhập khẩu của nước ta trong thời gian trên.

**Câu 3.** Việc hình thành vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có ý nghĩa như thế nào trong sự phát triển nền kinh tế nước ta?

**Câu 4.** Phân tích thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông – lâm – thuỷ sản của vùng Đồng Bằng Sông Hồng?

**Câu 5. Cho bảng số liệu sau:**

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ NĂM 2010 VÀ NĂM 2021**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2021 |
| Tỉ lệ hộ nghèo (%) | 29,4 | 13,4 |
| Thu nhập bình quân đầu người/tháng theo giá hiện hành (triệu đồng) | 0,9 | 2,8 |
| Tuổi thọ trung bình (năm) | 70,0 | 71,2 |
| Tỉ lệ người lớn biết chữ (%) | 88,3 | 90,6 |

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Dựa vào bảng 11.2 trên , em hãy nhận xét về chất lượng cuộc sống dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**Câu 6.** Dựa vào kiến thức đã học em hãy phân tích vai trò của nghành du lịch đối với sự phát triển của nền kinh tế nước ta?

**----HẾT----**